

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TƯỜNG THỦY HƯỚNG
(Kèm theo giấy rút dư toàn số 32 ngày 13 tháng 5 năm 2022)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

- Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
 - Mã đơn vị: **1048792**
 - Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**
- 1. Nội dung đề nghị thanh toán:**

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng			Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ: 3528/UBND ngày 24/9/2021 LĐTT, CSTD	Trong đó:		Tiền khoản	Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng	Tổng số						Tiền phụ cấp và trợ cấp khác				
										Công phục vụ ăn sáng	Công phục vụ bán trú			
Tổng số					131.114.190	-	11.867.700	-	-	35.463.360	83.783.130	-		
I	Đối với công chức, viên chức:				101.923.530	-	-	-	-	23.410.400	78.513.130	-		
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	2.996.000						726.800	2.269.200			
2	Nguyễn Thị Sanh	0102648657	NH Đông Á	2.948.420						726.800	2.221.620			
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	2.853.620						632.000	2.221.620			
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	3.728.500						841.000	2.887.500			
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	2.626.000						550.000	2.076.000			
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	0107817627	NH Đông Á	2.711.300						574.750	2.136.550			
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	5.767.500						1.305.000	4.462.500			
8	Trần Thị Lê Xuân	0101980518	NH Đông Á	3.270.000						736.000	2.534.000			
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	2.854.000						605.000	2.249.000			
10	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	3.143.000						756.000	2.387.000			
11	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	2.818.125						652.500	2.165.625			
12	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	3.270.000						736.000	2.534.000			
13	Lê Thủy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	2.767.500						605.000	2.162.500			
14	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	5.470.125						1.236.750	4.233.375			
15	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	-						-	-			
16	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	4.156.500						960.000	3.196.500			
17	Phạm Thị Nguyễn Thủy	0109940965	NH Đông Á	2.366.500						550.000	1.816.500			
18	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	3.699.500						812.000	2.887.500			

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Tiền học bổng	Chi trả
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo IID	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ : 3532/UBND ngày 24/9/2021 LĐT.T, LĐT.T, CSTĐ	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác			
									Công phục vụ an sàng	Công phục vụ bán trú		
	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đồng Á	3.728.500					841.000	2.887.500		
20	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đồng Á	2.834.000					605.000	2.249.000		
21	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đồng Á	3.856.000					960.000	2.896.000		
22	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đồng Á	.					-	-		
23	Sử Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đồng Á	3.757.500					870.000	2.887.500		
24	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đồng Á	2.663.500					615.000	2.048.500		
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đồng Á	2.663.500					615.000	2.048.500		
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đồng Á	3.946.500					960.000	2.986.500		
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đồng Á	3.663.200					912.000	2.751.200		
28	Nguyễn Thị Thủy Trang	0107817774	NH Đồng Á	3.143.000					756.000	2.387.000		
29	Nguyễn Song Hà Ny	0110899069	NH Đồng Á	2.366.500					550.000	1.816.500		
30	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đồng Á	2.626.000					550.000	2.076.000		
31	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đồng Á	3.699.500					812.000	2.887.500		
32	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đồng Á	2.948.420					726.800	2.221.620		
33	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đồng Á	2.560.820					632.000	1.928.820		
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 16/2018/NĐ-CP			11.276.860	-	-	-	-	7.156.860	4.120.000	-	-
1	Phạm Thanh Phú	0110218883	NH Đồng Á	2.213.190					1.213.190	1.000.000		
2	Nguyễn Dương	0109570919	NH Đồng Á	2.213.190					1.213.190	1.000.000		
3	Ôn Thị Thanh Thanh	0108307286	NH Đồng Á	2.363.190					1.863.190	500.000		
4	Mai Thị Nguyệt	0109996616	NH Đồng Á	2.363.190					1.863.190	500.000		
5	Bùi Diễm Tú Minh	0109429054	NH Đồng Á	2.124.100					1.004.100	1.120.000		
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			17.913.800	-	-	-	-	4.896.100	1.150.000	-	
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0108209444	NH Đồng Á	6.401.900					1.946.000	500.000		
2	Lê Thị Yến Trinh	0109280578	NH Đồng Á	6.401.900					1.946.000	500.000		
3	Bùi Thị Hương Huệ	079178021922	NH Đồng Á	5.110.000					1.004.100	150.000		

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu một trăm mười bốn ngàn một trăm chín mươi đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

